

Số: 101 /BC-BCĐ

Bắc Giang, ngày 03 tháng 8 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Sơ kết 03 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn 2018-2020**

Thực hiện Công văn số 4836/BNN-VPĐP ngày 25/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (2016-2018). Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang báo cáo cụ thể như sau:

#### **Phần thứ nhất ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai Chương trình ở các cấp**

- Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, 02 là Phó Trưởng ban là 02 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh và các thành viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành của tỉnh. Các huyện, thành phố giữ nguyên Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo khi có sự thay đổi về nhân sự. 100% xã thành lập Ban quản lý và Ban phát triển tại các thôn.

- Thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp. Tỉnh Bắc Giang đã kiện toàn Văn phòng điều phối cấp tỉnh (có 10 cán bộ chuyên trách gồm 01 công chức, 05 viên chức, 01 hợp đồng theo Nghị định 68, 03 hợp đồng lao động; 23 cán bộ kiêm nhiệm là lãnh đạo cấp phòng thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh). 10 huyện, thành phố thành lập Văn phòng điều phối cấp huyện theo quy định (Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố là Chánh Văn phòng, Trưởng, phó phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Kinh tế thành phố là Phó Chánh Văn phòng, 10 cán bộ chuyên trách, 72 cán bộ kiêm nhiệm). 100% các xã bố trí 01 cán bộ xã,

kiêm nhiệm vụ nông thôn mới để tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện. Qua đó công tác tham mưu, đề xuất giải quyết các vấn đề vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới được kịp thời, hiệu quả hơn.

## **2. Công tác tuyên truyền, vận động**

- Công tác tuyên truyền phong trào xây dựng nông thôn mới được duy trì, tập trung tuyên truyền kinh nghiệm hay, cách làm hiệu quả và những vấn đề xã hội quan tâm như: vệ sinh môi trường, phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, cứng hóa giao thông nông thôn để tạo sự chuyển biến trong nhận thức. Giai đoạn 2016-2018, đã tổ chức 70 hội nghị tuyên truyền, 600 tin bài, phóng sự, chuyên đề về xây dựng nông thôn mới; cấp phát 650 cuốn hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020, 13.000 tờ rơi về Bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới; các báo đài Trung ương cũng đã có nhiều tin bài phản ánh tích cực về tình hình xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Hưởng ứng phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” tin Bắc Giang phát động phong trào thi đua “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới”, trên cơ sở đó các sở, ngành và địa phương triển khai các phong trào của ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, lựa chọn phần việc thực hiện xây dựng nông thôn mới để vận động hội viên tham gia thực hiện như: MTTQ tỉnh xây dựng 20 mô hình điểm trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Hội Phụ nữ tỉnh vận động hội viên thực hiện 11/19 tiêu chí trong cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”... Một số phong trào mới được các địa phương triển khai thực hiện đã tạo sự đồng thuận trong nhân dân như “Tuyến đường hoa - cây xanh”, “Sạch từ nhà ra ngõ, sạch từ ngõ về nhà”, “Làng lúa, làng hoa”... đã tạo cảnh quan, diện mạo mới cho khu vực nông thôn. Qua đó đã vận động người dân hiến 105 ha đất, trên 55.000 ngày công lao động, phá dỡ trên 34.000 m<sup>2</sup> tường rào để xây dựng công trình công cộng, một số huyện làm tốt như Tân Yên, Việt Yên, Lục Nam....

## **3. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.**

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, để triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, tỉnh tiếp tục duy trì cơ chế chính sách còn hiệu lực và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Về nội dung xây dựng cơ sở hạ tầng: HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2019; Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; UBND tỉnh ban hành Quyết định danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, giao cho cộng đồng thực hiện; Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Về nội dung phát triển sản xuất: HĐND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện đồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu giai đoạn 2017-2018 (dự kiến thực hiện đồn điền, đổi thửa 7.100 ha, xây dựng 55 cánh đồng mẫu); Cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020 (đối tượng hỗ trợ rau, hoa, sản xuất trong nhà màng, nhà lưới, có hệ thống tưới tiết kiệm, quy mô từ 2.000 m<sup>2</sup> trở lên); UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Đề án rau theo tiêu chuẩn VietGap, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap, nấm ứng dụng công nghệ cao; Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030...

- Về Bộ tiêu chí nông thôn mới: Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020; Quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020; Quy định tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Về lĩnh vực môi trường: Tỉnh hỗ trợ cho các huyện, thành phố mua sắm lò đốt rác thải quy mô xã, liên xã 70% giá trị lò; chỉ đạo không phát triển lò đốt rác quy mô nhỏ; Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030...

- Về nội dung khen thưởng tỉnh đã ban hành Kế hoạch “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” (khen thưởng huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới được tặng cờ thi đua và thưởng công trình 1.000 triệu đồng, xã đạt chuẩn nông thôn mới được tặng cờ thi đua hạng nhất và thưởng công trình 200 triệu đồng).

*(Chi tiết có biểu 01 kèm theo)*

#### **4. Cơ chế điều phối, phối hợp và phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp Ban Chỉ đạo tỉnh các Chương trình MTQG điều phối và tổng hợp nội dung liên quan các Chương trình MTQG trên địa bàn. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Sở Lao động, thương binh và xã hội là cơ quan thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Việc điều phối, phối hợp trong nội bộ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giữa cơ quan thường trực chương trình với các huyện, thành phố và các ngành đã có sự phân công cụ thể; tuy nhiên đối với việc điều phối giữa chủ trương trình với các chủ dự án thành phần lồng ghép vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chưa có sự phối hợp chặt chẽ (cơ bản vẫn thực hiện như trước khi lồng ghép vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới), nên việc chỉ đạo lồng ghép nguồn vốn giữa các chủ dự án thành phần đối với thực hiện mục tiêu của Chương trình nông thôn mới hàng năm còn hạn chế.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018 (tính đến 30/6/2018)**

### **1. Mức độ hoàn thành một số mục tiêu cơ bản của Chương trình**

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 72 xã, chiếm 35,5%, bằng 90% kế hoạch giai đoạn 2016-2020 Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017.

- Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 0 đơn vị. Hiện nay, tỉnh Bắc Giang có huyện Việt Yên đã có 17/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới đã đạt, đã được Đoàn thẩm tra của tỉnh tiến hành thẩm tra; thành phố Bắc Giang đã có 6/6 xã đạt chuẩn nông thôn mới; các đơn vị đang hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để trình Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định, dự kiến hết năm 2018 tỉnh Bắc Giang có 02 đơn vị đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 01 đơn vị so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017.

- Số tiêu chí bình quân: 14 tiêu chí/xã, bằng 86,4% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017. Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí là 27 xã, chiếm 13,3%; xã đạt từ 10-14 tiêu chí là 81 xã, chiếm 39,9%; xã đạt dưới 5-9 tiêu chí là 23 xã chiếm 11,3%, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí.

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản:

+ Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn: Hết năm 2017 đạt 35 triệu đồng/người/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo hết năm 2017 đạt 9,53%

+ Tỷ lệ người dân tham gia BHYT tính đến 30/6/2018 đạt 95,8%

+ Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh tính đến 30/6/2018 đạt 93%

*(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)*

### **2. Kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình**

#### **2.1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới**

- Tiến độ lập quy hoạch vùng huyện: Hiện nay, đồ án quy hoạch vùng huyện Việt Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 về phê duyệt quy hoạch vùng huyện Việt Yên tỷ lệ 1:25.000; đối với huyện Lạng Giang triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020 hiện đã được Viện quy hoạch (Bộ Xây dựng) lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với quy hoạch xã nông thôn mới: Trong quá trình tổ chức thực hiện các xã thực hiện việc rà soát, điều chỉnh đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp với điều kiện địa phương, đến nay các huyện đã phê duyệt điều chỉnh cho 21 xã. Tuy

nhiên, việc ban hành quy chế quản lý quy hoạch và thực hiện cấm mốc giới tại khu trung tâm xã chưa đảm bảo theo quy định, dẫn đến khó khăn trong quản lý.

Số xã đạt tiêu chí: Đến nay, 203/203 xã đã đạt tiêu chí Quy hoạch

## ***2.2. Hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung xây dựng, cơ chế xi măng phát huy hiệu quả, tạo ra diện mạo mới, khởi sắc cho nông thôn***

- Căn cứ nguồn vốn được phân bổ, các địa phương sử dụng nguồn vốn Chương trình nông thôn mới để tập trung trả nợ xây dựng cơ bản đối với công trình đã hoàn thành và đầu tư xây dựng mới, cải tạo công trình để đạt tiêu chí nông thôn mới. Giai đoạn 2016-2018, các địa phương dự kiến đầu tư xây dựng 461,7 km đường giao thông nông thôn (52,7 km đường trục xã, 255 km đường trục thôn, 94,7 km đường ngõ xóm, 59,3 km đường trục chính nội đồng), 61,7 km kênh mương nội đồng, xây mới, cải tạo 461 công trình văn hóa, 125 công trình thể thao, 155 điểm, bãi thu gom rác thải, 132 nghĩa trang nhân dân, 256 phòng học, phòng chức năng các cấp, 24 đài truyền thanh xã, chuyển tiếp, xây dựng mới 06 công trình nước sạch....

- Thực hiện chính sách hỗ trợ xi măng làm đường trục thôn, liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông nông thôn (mặt đường rộng 3,5 m, ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 30% giá trị công trình, 70% giá trị công trình do huyện, xã, nhân dân đối ứng): Năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, các địa phương đã thực hiện được 466,41 km, tương ứng 109.359 tấn xi măng, với kinh phí ngân sách tỉnh 136,9 tỷ đồng. Cơ chế ban hành đã phát huy được nội lực trong nhân dân, tạo phong trào mạnh mẽ về cứng hóa đường giao thông, người dân đồng tình hưởng ứng, nhiều hộ chủ động hiến đất và đóng góp hàng chục triệu đồng để làm đường giao thông, nổi bật như hộ ông Trần Công Sáu, thôn Cẩm Vân, xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa ủng hộ 725 triệu đồng, hộ ông Nguyễn Văn Toàn, thôn Heo xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang ủng hộ 141,7 triệu đồng, hộ bà Nguyễn Thị Khắc, thôn Cầu Cẩn xã Việt Lập, huyện Tân Yên hiến 400 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, đất ở, tháo dỡ 20 m<sup>2</sup> mái lá, 360 m<sup>2</sup> đất lúa....

Số xã đạt tiêu chí: Có 90 xã đạt tiêu chí Giao thông (tăng 27 xã so với năm 2016); có 119 xã đạt tiêu chí Thủy lợi (tăng 35 xã so với năm 2016); có 198 xã đạt tiêu chí Điện (tăng 04 xã so với năm 2016); có 159 xã đạt tiêu chí Trường học (tăng 12 xã so với năm 2016); có 73 xã đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (tăng 23 xã so với năm 2016); có 151 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại (tăng 21 xã so với năm 2016); có 198 xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông; có 169 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.

## ***2.3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân***

- Thực hiện Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, trong năm 2017 các địa phương đã triển khai 21 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao rau, hoa quy mô từ 2.000 m<sup>2</sup>/mô hình trở lên, tổng diện tích 52.119 m<sup>2</sup>, năm 2018 triển khai 28 mô hình rau, hoa; bước đầu cho hiệu quả kinh tế cao, ổn định như: Mô hình trồng

dưa lưới của HTX Đồng Tâm 3; mô hình trồng dưa lưới, dưa leo của HTX nông nghiệp CNC xã Trí Yên... Ngoài ra, tỉnh xây dựng 02 mô hình điểm vùng sản xuất rau chuyên canh tập trung ứng dụng công nghệ cao với quy mô 63 ha tại huyện Yên Dũng và Hiệp Hòa; các huyện, thành phố chủ động xây dựng 48 mô hình với quy mô nhà lưới, nhà màng, nhà lạnh đạt 57.560 m<sup>2</sup>....

- Dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu tiếp tục được thực hiện, lũy kế đến nay toàn tỉnh đã thực hiện dồn điền, đổi thửa được 14.356 ha; triển khai thực hiện 165 mô hình cánh đồng mẫu, có khoảng 50% số cánh đồng đảm bảo liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ, qua đó góp phần chuyển dần từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất theo hướng tập trung. Từ nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, các địa phương đã triển khai hỗ trợ 231 dự án phát triển sản xuất có liên kết và 18 sản phẩm đăng ký chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, tem nhãn, bao bì sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tỉnh đã phê duyệt danh mục 52 nhóm sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng; phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030; công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu được đẩy mạnh, năm 2018 tỉnh đã tổ chức Hội nghị xúc tiến tiêu thụ vải thiều và các sản phẩm nông sản năm 2018, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018-2020... qua đó các sản phẩm nông sản của Bắc Giang được nhiều người tiêu dùng và các thị trường cũng như các đối tác biết đến và ký kết hợp đồng thiêu thụ. Số sản phẩm sản xuất theo hướng an toàn ngày càng tăng, diện tích lúa chất lượng trên 34.500 ha, Vải VietGap 13.000 ha, Rau an toàn, chế biến 6.795 ha... Nhiều mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm điển hình như: Chuỗi chăn nuôi lợn sạch Tân Yên, chuỗi thịt lợn hữu cơ Trường Thành, mô hình sản xuất cá giống, nuôi thương phẩm tại Tân Yên, mô hình rau hữu cơ trong nhà lưới tại xã Quang Thịnh...

- Thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Bắc Giang đã phân bổ 12.200 triệu đồng nguồn vốn đầu tư phát triển để hỗ trợ xây dựng hạ tầng cho 23 HTX nông nghiệp và 700 triệu đồng hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho 536 cán bộ HTX xã nông nghiệp. Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được củng cố, phát triển, toàn tỉnh có 405 HTX nông nghiệp và 04 Liên hiệp HTX, 878 Tổ hợp tác, 802 trang trại (trong đó 700 trang trại được cấp GCN kinh tế trang trại). Xu hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi được nhân rộng, bước đầu thu hút được một số doanh nghiệp lớn vào đầu tư trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi như Tập Đoàn Hòa Phát, Công ty CP Phát triển Công nghệ nông thôn (RTD)... Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 92 triệu đồng, góp phần vào nâng cao thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 35 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo 9,53%.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được nâng cao chất lượng, góp phần tìm kiếm việc làm cho người lao động: Giai đoạn 2016-2018, tổng nguồn vốn từ ngân sách trung ương 23.550 triệu đồng, đã thực hiện đào tạo cho 8.879 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh đạt 58,5%.

Số xã đạt tiêu chí: Đến nay, có 152 xã đạt tiêu chí Thu nhập, 186 xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm, 156 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất.

#### **2.4. Giảm nghèo an sinh xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, hệ thống chính trị, an ninh trật tự**

- Về giảm nghèo, an sinh xã hội: Các chính sách giảm nghèo tiếp tục được thực hiện hiệu quả, tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020; đời sống nhân dân trên địa bàn cơ bản ổn định, không xảy ra tình trạng đói giáp hạt. Toàn tỉnh 42.734 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,53% và 35.730 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,96%.

- Về Giáo dục: Công tác phổ cập giáo dục các cấp học được quan tâm chỉ đạo và duy trì vững chắc tạo điều kiện tốt nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Toàn tỉnh, 100% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 10/10 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. 100% xã và các huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 86,5%, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 83,2%.

- Về Y tế: Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị; đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,5%, tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế đạt 94,7%, số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 24,6 giường.

- Về Văn hóa: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội tiếp tục được triển khai thực hiện có hiệu quả, các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống được quan tâm, bảo tồn và phát huy, tổ chức thành công Lễ đón nhận Bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà và Quyết định công bố danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Bồ Đà, tổ chức thành công lễ khai hội xuân Tây Yên Tử... Tỷ lệ hộ được công nhận gia đình văn hóa đạt 87,8%, tỷ lệ làng bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 76,4%, có 61 xã đạt xã văn hóa nông thôn mới. Hiệu quả hoạt động của 2.521 nhà văn hóa xã, thôn được nâng cao, các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho trẻ em ở cấp xã, thôn được tổ chức thường xuyên góp phần nâng cao tỷ lệ người dân tham gia văn hóa, thể thao đạt 33,4%. Xuất hiện nhiều phong trào mới như “Làng văn hóa điển hình”, “Làng văn hóa xanh - sạch - đẹp”, “Làng văn hóa không có ô nhiễm môi trường”, “Làng văn hóa nông thôn mới”...

- Về Môi trường: Để nâng cao hiệu quả hoạt động bảo vệ, thu gom, xử lý rác thải, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 (từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, tổ chức đi xâm nhập thực tế để kiểm tra công tác bảo vệ môi trường); Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017 về chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn (xác định đến năm 2018 nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến thôn, làng, bản, tổ dân phố là phải tổ chức thu gom hết rác thải về đến các điểm tập kết để xử lý tiêu hủy, phát động chiến dịch cao điểm về vệ sinh môi trường 100 ngày); UBND tỉnh ban hành Quyết định số 955/QĐ-

UBND ngày 28/12/2017 về phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030. Đến nay, 100% số xã có tổ, đội, HTX môi trường được thành lập, duy trì hoạt động, 672 điểm tập kết, trung chuyển rác thải đến khu xử lý, 255 bãi chôn lấp rác thải, 43 lò đốt rác thải, 1.124 bể chứa thuốc BVTV; phong trào Ngày thứ 7, Chủ nhật xanh, tuyến đường tự quản được nhân rộng, một số phong trào vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan bước đầu được triển khai cho hiệu quả như trồng hoa, cây xanh, chỉnh trang vườn hộ gia đình...; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải khu vực nông thôn đạt 67,6% (tăng 13% so với năm 2015). Tỉnh đang phấn đấu năm 2018 thu hút đầu tư xây dựng 01 nhà máy xử lý rác tập trung công nghệ hiện đại.

Theo Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 02/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Bắc Giang có 02 làng nghề (nấu rượu truyền thống xã Vân Hà và làng có nghề giết mổ trâu bò thôn Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh), trong năm 2018 đã được cơ quan chuyên môn chứng nhận cơ sở đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới được phát huy, nâng cao; khả năng tiếp cận pháp luật được tăng cường: Cán bộ xã tiếp tục được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, giai đoạn 2016-2018 đã có 2.600 lượt cán bộ cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nâng cao năng lực và 2.840 cán bộ Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn tham gia lớp tập huấn về nông thôn mới. Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tham gia xây dựng nông thôn mới theo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, mỗi tổ chức đều có hoạt động thiết thực nhằm hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được tập trung chỉ đạo, UBND tỉnh đã ban hành quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công và tại cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

Thực hiện Quyết định 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp đã tổ chức tập huấn cho 700 đại biểu các cấp nghiệp vụ phục vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cấp phát 95 đầu sách pháp luật cho 230 tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, kết quả có 130/230 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, Hội phụ nữ lựa chọn thực hiện 11/19 tiêu chí để vận động các hội viên thực hiện. Hội phụ nữ tỉnh đã xây dựng Đề án “Tuyên truyền, vận động hướng dẫn hội viên phụ nữ thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình giai đoạn 2017-2021” để thực hiện nội dung “3 sạch”; các cơ sở Hội xây dựng, duy trì mô hình câu lạc bộ “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, “Tổ thu gom, xử lý rác”, “Nhà sạch, vườn đẹp, ngõ văn minh”... Tỷ lệ hộ gia đình hội viên phụ nữ đạt “Gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với gia đình văn hóa đạt trên 80%...



- Về Quốc phòng và An ninh: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, các mô hình điểm về an ninh trật tự tiếp tục được nhân rộng, hiện toàn tỉnh đang duy trì hoạt động trên 10 nghìn mô hình, nhiều mô hình trong quần chúng đã phát huy hiệu quả như “Tổ hòa giải”, “Cụm dân cư an toàn số 1”, “Tổ tuần tra nhân dân”... qua đó tội phạm về trật tự xã hội được kiểm chế, không xảy ra án đặc biệt nghiêm trọng, góp phần quan trọng bảo đảm ổn định ở cơ sở, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, huy động nội lực cho xây dựng nông thôn mới. Phong trào thi đua “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới” được thực hiện hiệu quả; các huyện, thành phố đã tổ chức tốt Lễ giao nhận quân hàng năm đảm bảo chỉ tiêu.

Số xã đạt tiêu chí: Có 147 xã đạt tiêu chí Hộ nghèo; có 193 xã đạt tiêu chí Giáo dục; có 188 xã đạt tiêu chí Y tế (tăng 13 xã so với năm 2016); có 147 xã đạt tiêu chí Văn hóa (tăng 09 xã so với năm 2016); có 72 xã đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (tăng 23 xã so với năm 2016); có 157 xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; có 182 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và an ninh.

### **3. Tình hình triển khai thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới**

- Trên cơ sở Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 35 /2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh chỉ đạo 02 huyện: Việt Yên, Lạng Giang tổ chức thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới. Kết quả, huyện Việt Yên đã đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới (đã được Đoàn thẩm tra của tỉnh thẩm tra); huyện Lạng Giang tự đánh giá đạt 7/9 tiêu chí, 02 tiêu chí chưa đạt (tiêu chí số 1 Quy hoạch; tiêu chí số 7 Môi trường).

- Trong quá trình thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới một số nội dung gặp khó khăn như: Không có cơ chế hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương để thực hiện nội dung về đầu tư cơ sở hạ tầng (Giao thông, thủy lợi, trường THPT, trung tâm y tế huyện, khu, lò xử lý rác thải...); tiêu chí số 1 Quy hoạch quy định “Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt” tuy nhiên hiện nay theo Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 quy hoạch vùng huyện không còn đề cập đến, gây lung túng trong thực hiện; chỉ tiêu 5.1 quy định “Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; trung tâm y tế huyện đạt đạt chuẩn quốc gia” tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn đánh giá cụ thể trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

### **4. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2018**

a) Tổng nguồn vốn và cơ cấu các nguồn vốn huy động: 2.974.378 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương (gồm cả TPCP): triệu đồng 574.040, chiếm 19,3%

- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 930.534 triệu đồng, chiếm 31,3%
- Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình: 653.096 triệu đồng, chiếm 21,9%
- Huy động từ doanh nghiệp: 447.500 triệu đồng, chiếm 15%
- Huy động từ người dân và cộng đồng (chưa bao gồm hiến đất, ngày công, phá dỡ tường rào): 369.208 triệu đồng, chiếm 12,4%

Ngoài ra, thực hiện huy động từ nguồn vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ đến nay dư nợ cho vay là 17.473 tỷ đồng.

*(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)*

b) Kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn ngoài ngân sách để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình:

- Căn cứ nguồn vốn được phân bổ và văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và PTNT, tỉnh Bắc Giang phân bổ nguồn vốn thực hiện các hạng mục công trình theo đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên các hạng mục công trình thiết yếu tại địa phương, gắn với phát triển sản xuất như đường giao thông, kênh mương, phòng học, môi trường...

- Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh; xác định cụ thể danh mục công trình thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 tương ứng với kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 trung ương đã thông báo cho tỉnh Bắc Giang.

*(Chi tiết có biểu 04 kèm theo)*

c) Kết quả xử lý nợ đọng XDCB trong thực hiện Chương trình (đến 30/6/2018): Tỉnh Bắc Giang đã tập trung cao trong xử lý nợ XDCB thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo các địa phương ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ XDCB xong mới được bố trí vốn cho các dự án khởi công mới; chỉ khởi công công trình mới sau khi thanh toán hết số nợ XDCB; thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, đảm bảo huy động cơ bản đủ các nguồn vốn mới triển khai khởi công các công trình; tăng cường thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù để giảm chi phí trung gian (các công trình dưới 3 tỷ yêu cầu phải thực hiện theo cơ chế đặc thù), gắn trách nhiệm người đứng đầu với việc giảm tỷ lệ nợ XDCB.... Tính đến 30/6/2018, nợ XDCB còn 71.270 triệu đồng (giảm 49.807 triệu đồng so với thời điểm 31/10/2017, tương đương giảm 41%), phấn đấu hết năm 2018 giảm 50% số nợ, đảm bảo hết năm 2019 không có nợ XDCB.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt được**

- Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện; nội dung xây dựng nông thôn mới đã được cụ thể hóa thành chỉ tiêu phấn đấu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, Kế

hoạch của UBND các cấp giai đoạn 2016-2020; hệ thống văn bản thực hiện giai đoạn 2016-2020 đã cơ bản đầy đủ, tinh tập trung ban hành cơ chế chính sách để giải quyết vấn đề xã hội quan tâm (môi trường, giao thông, phát triển sản xuất) nên huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, chung sức của người dân.

- Bộ mặt nông thôn khang trang, sạch đẹp hơn, hạ tầng giao thông nông thôn (nhất là đường thôn, xóm), thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế được đầu tư, cảnh quan môi trường có chuyển biến có nhiều tuyến đường hoa, xây xanh; cơ chế đặc thù được tập trung chỉ đạo thực hiện, đem lại hiệu quả thiết thực đã khuyến khích vận động người dân tham gia tích cực hơn vào Chương trình.

- Phát triển sản xuất bước đầu xuất hiện nhiều điểm mới, nổi bật, thu hút được doanh nghiệp vào đầu tư vùng sản xuất hàng hóa tập trung; ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao bước đầu đem lại hiệu quả; dồn điền, đổi thửa, cánh đồng mẫu được tập trung thực hiện; hình thức tổ chức sản xuất được củng cố, HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả được nhân rộng.

- Đời sống người dân được nâng lên, thu nhập, điều kiện và mức sống của nhân dân được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm, văn hóa, giáo dục, y tế đạt được nhiều kết quả, kết quả thực hiện một số nội dung đứng top đầu cả nước; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững.

- Huy động nguồn lực đạt kết quả khá, tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương so với ngân sách Trung ương vượt so với quy định (tỷ lệ 1,62:1); bình quân tiêu chí toàn tỉnh đạt khá, dự kiến hết 2018 đạt 14,3 tiêu chí/xã, có 89 xã đạt chuẩn nông thôn mới (vượt 09 xã so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 trước 02 năm), có 02 đơn vị đạt chuẩn nông thôn mới cấp huyện (vượt 01 đơn vị so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 trước 02 năm).

## **2. Hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân**

- Công tác thông tin tuyên truyền của các cấp, các ngành về xây dựng nông thôn mới chưa được rộng khắp, nội dung chưa được phong phú, chưa mang lại những chuyển biến tích cực.

- Kết quả xây dựng nông thôn mới không đồng đều giữa các huyện, thành phố và giữa các xã có điều kiện tương đồng; chất lượng đạt chuẩn tiêu chí ở một số địa phương còn thiếu bền vững; bình quân tiêu chí tại các xã nghèo, đặc biệt khó khăn thấp hơn nhiều so với bình quân chung toàn tỉnh (thấp hơn 4,7 tiêu chí/xã) nhưng chưa có nhiều cách làm linh hoạt, sáng tạo tại các địa phương này.

- Môi trường nông thôn chậm được khắc phục nhất là chất thải sinh hoạt; còn tình trạng vứt rác thải ra ngoài môi trường, chưa thật sự xanh - sạch - đẹp; mạng lưới thu gom, cơ sở hạ tầng cho xử lý rác thải chưa được đầu tư đồng bộ, các khu thu gom, xử lý cơ bản đã quá tải, chưa có biện pháp xử lý lượng rác tồn đọng đang còn là vấn đề bức xúc ở nhiều địa phương.

- Theo kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 tỉnh Bắc Giang được phân bổ 1.047.610 triệu đồng, tuy nhiên đến nay mới được phân bổ 429.340 triệu đồng, chiếm 40,9%, do vậy ảnh hưởng đến việc triển khai tại địa phương.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

- Công tác tuyên truyền, vận động gắn với phong trào thi đua, động viên khen thưởng, nêu gương và phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo cho người dân tham gia từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ” là chìa khóa để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Vai trò của người đứng đầu có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là cán bộ cấp cơ sở, thực tiễn cho thấy ở địa phương nào người đứng đầu tâm huyết, quan tâm, trách nhiệm, gương mẫu, có phương pháp, cách làm chủ động, công khai, dân chủ thì ở đó tạo được niềm tin, huy động được sự tham gia của người dân và đạt được kết quả cao, do vậy trong thực hiện cần thường xuyên xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, thôn xóm.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, gắn sản xuất, chế biến, với tiêu thụ sản phẩm, thực hiện dồn điền đổi thửa gắn với quy hoạch lại đồng ruộng, xây dựng cách đồng lớn, mô hình phát triển sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, tăng sản lượng và giá trị để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp là yếu tố quyết định cho việc khai thác lợi thế so sánh, tạo đột phá phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, tạo niềm tin cho người dân với chương trình, là cơ sở huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

- Có chính sách linh hoạt, phù hợp với điều kiện của tỉnh, đặc biệt là giải quyết các vấn đề xã hội quan tâm để thu hút được đông đảo người dân tham gia thực hiện Chương trình; phải có cách làm phù hợp với điều kiện của từng địa phương thông qua lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên.

- Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên trong nông thôn, là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, vai trò của các tổ chức đảng, tổ chức trong hệ thống chính trị-xã hội rất quan trọng, do vậy trong thực hiện cần phát huy vai trò sức mạnh của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân; phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng tập thể, cá nhân, đề cao và phát huy vai trò người đứng đầu; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết rút kinh nghiệm kịp thời.

#### **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2018-2020**

#### **I. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU**

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Phấn đấu 120 xã, chiếm 59% tổng số xã (vượt 40 xã so với mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017).

2. Huyện nông thôn mới/thành phố hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới: 03 đơn vị gồm: Huyện Việt Yên, Lạng Giang và Thành phố Bắc Giang (vượt 02

đơn vị so với mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017); huyện Lạng Giang hoàn thành Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020.

3. Bình quân chung tiêu chí toàn tỉnh: 16,2 tiêu chí/xã (đảm bảo hoàn thành mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017); không có xã đạt dưới 8 tiêu chí.

4. Các xã đã đạt chuẩn xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 theo quy định của tỉnh, phần đầu có 20 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu; 10 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; có 02 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 04/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Nhân rộng mô hình thôn nông thôn mới kiểu mẫu; các xã nghèo, đặc biệt khó khăn thực hiện thôn nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững.

5. Hoàn thành xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong năm 2019, không để phát sinh thêm nợ mới.

6. Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, xây dựng nông thôn mới bền vững, trọng tâm là phát triển sản xuất, ứng dụng công nghệ cao; cứng hóa giao thông nông thôn; duy trì và nâng cao chất lượng các phong trào tạo chuyển biến về môi trường, cảnh quan nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp và xây dựng đời sống mới ở nông thôn: Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm xuống còn 3,72%, thu nhập bình quân đầu người đạt 40 -42 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 99%...

*(Chi tiết có biểu 05 kèm theo)*

## **II. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐẾN 2020**

- Tổng nguồn vốn đầu tư trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020: 2.478.154 triệu đồng

+ Ngân sách Trung ương (chưa bao gồm 10% dự phòng): 812.370 triệu đồng (ngân sách đầu tư phát triển 618.270 triệu đồng, vốn sự nghiệp 194.100 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 586.526 triệu đồng (bao gồm cả cơ chế hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn).

+ Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình: 440.000 triệu đồng.

+ Huy động từ doanh nghiệp: 250.000 triệu đồng.

+ Huy động đóng góp từ người dân: 389.258 triệu đồng.

- Ngoài ra, tiếp tục huy động nguồn vốn tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

### III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành (đặc biệt là vai trò người đứng đầu), phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể, cả hệ thống chính trị tham gia tích cực thực hiện Chương trình, triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của tỉnh như: Nghị quyết 130-NQ/TU ngày 16/8/2016, Kết luận 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 và Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh....

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động về xây dựng nông thôn mới; duy trì chuyên trang về xây dựng nông thôn mới; thực hiện hiệu quả thiết thực phong trào thi đua “Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020 và các phong trào thi đua, cuộc vận động của ngành, đơn vị đang phát động; mỗi đơn vị tiếp tục đăng ký 01 nội dung gắn với xây dựng nông thôn mới; nhân rộng một số mô hình mới bước đầu tạo sự lan tỏa trong nhân dân.

3. Đa dạng hóa các nguồn vốn để thực hiện Chương trình, quản lý sử dụng hiệu quả nguồn vốn được giao. Cấp huyện, xã tiếp tục dành nguồn lực cho thực hiện Chương trình đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo đúng Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; huy động hợp lý nguồn đóng góp từ người dân theo nguyên tắc tự nguyện và được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua. Tập trung xử lý nợ xây dựng cơ bản thuộc Chương trình nông thôn mới theo chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong năm 2019.

4. Nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch và đề án nông thôn mới của các xã, rà soát điều chỉnh đề án nông thôn mới theo yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020; hoàn thành quy hoạch xây dựng vùng tại huyện Lạng Giang theo Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020; huyện Việt Yên tổ chức thực hiện theo quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt.

5. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững theo chiều sâu, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp; mở rộng diện tích sản xuất an toàn, tiêu chuẩn VietGap đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; triển khai hiệu quả Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao; xây dựng nhãn hiệu tập thể, truy xuất nguồn gốc, thiết kế bao bì sản phẩm, đẩy mạnh xúc tiến thương mại.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là tại thôn, bản; ưu tiên lựa chọn hạng mục công trình gắn với đời sống, sinh hoạt của người dân, phát huy vai trò chủ thể người dân trong thực hiện công trình; tập trung thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù, giao cộng đồng thực hiện các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản, tổng mức đầu tư dưới 03 tỷ; thực hiện hiệu quả cơ chế hỗ trợ xi măng trong làm đường giao thông nông thôn.

7. Tạo chuyển biến từ nhận thức đến thực tiễn trong việc thu gom, xử lý rác thải nông thôn, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, chú trọng công tác tạo cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, hợp lý và giữ gìn được những nét đặc trưng, bản sắc nông thôn truyền thống. Thực hiện hiệu quả Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải giai đoạn 2017-2020; phát triển, nhân rộng mô hình đường hoa - cây xanh, khuyến khích, vận động hộ gia đình khôi phục hàng rào xanh, trồng hoa, cây xanh tại một số tuyến đường; tăng cường công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

8. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội ở nông thôn; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân; nâng cao vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị, đảm bảo an ninh trật tự.

9. Các huyện chỉ đạo các xã rà soát thực trạng, xác định tiêu chí đăng ký thực hiện hàng năm (bình quân mỗi năm tăng từ 0,5-01 tiêu chí/xã), lộ trình đạt chuẩn hàng năm (bình quân mỗi huyện đăng ký từ 1-2 xã đạt chuẩn); các xã không xác định đạt chuẩn lựa chọn tối thiểu 01 thôn để thực hiện thôn nông thôn mới làm cơ sở phân đầu đạt xã nông thôn mới giai đoạn tiếp theo. Các xã đã đạt chuẩn xây dựng kế hoạch duy trì tiêu chí đã đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, mỗi xã lựa chọn 01 thôn để triển khai thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bình quân mỗi năm có 10 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu/10 huyện, thành phố), lựa chọn 02 xã trong tổng số xã xây dựng xã nông thôn mới nâng cao để chỉ đạo thực hiện làm điểm xã nông thôn mới kiểu mẫu.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới, tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đảm bảo khách quan, đúng thời gian, quy trình, phản ánh trung thực nhận xét đánh giá của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG**

1. Ứng trước kế hoạch vốn năm 2019 để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018; sớm phân bổ 10% vốn dự phòng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (do nguồn vốn còn lại giai đoạn 2019-2020 tỉnh Bắc Giang lớn).

2. Điều chỉnh Điều 34, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính đối với nội dung “Hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã đặc biệt khó khăn, làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận” thành “Hỗ trợ hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã”, do các xã đặc biệt khó khăn việc xử lý rác thải sinh hoạt chưa phải là vấn đề bức xúc, vì phần lớn các hộ số lượng rác thải ít nên có thể tự xử lý tại hộ gia đình. Bổ sung quy định hỗ trợ thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm vào Điều 9, Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính; Có cơ chế hỗ trợ thực hiện xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

3. Thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa: Sớm chỉ đạo các Bộ ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 như: Bộ Xây dựng tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng huyện tại huyện Lạng Giang (1 trong 8 huyện điển hình của cả nước), hướng dẫn tiêu chí xây dựng điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất...

4. Việc triển khai thực hiện khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu, thôn, bản nông thôn mới tại các xã nghèo, xã đặc biệt đang được trung ương, địa phương quan tâm thực hiện, đề nghị Trung ương hỗ trợ nguồn lực để thực hiện nội dung này trong thời gian tới (đề xuất được sử dụng trong 10% vốn dự phòng Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới).

Trên đây là báo cáo Sơ kết 03 năm (2016-2018) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn 2018-2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng điều phối Trung ương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCD tỉnh;
- Văn phòng điều phối tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LDVP, TH, CNN, TKCT;
  - + Lưu: VT, NN.Thăng

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Dương Văn Thái**



Biểu 01

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH  
CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số 901 /BC-BCD ngày 03 /8/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTOG tỉnh Bắc Giang)




Tên văn bản

Số, ngày, tháng

ban hành

TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng ban hành
I	Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
1	Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020	139/NQ/TU ngày 01/9/2016
2	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030	113-NQ/TU ngày 22/7/2016
3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020	130-NQ/TU ngày 16/8/2016
4	Một số chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn; vấn đề thiếu lớp học, thiếu giáo viên ở bậc mầm non; vấn đề giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh hiện nay	43-KL/TU ngày 11/5/2017
5	Đẩy mạnh đối tượng tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020	08-CT/TU ngày 01/9/2016
6	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chi thị 12-CT/TU ngày 01/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	23-KL/TU ngày 07/10/2016
II	Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân	
7	Sửa đổi tiêu mục 6.2, tiết b.1, điểm 1, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 11/4/2014 của Thường trực HĐND tỉnh và quy định mức hỗ trợ cho các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thực hiện Chương trình MTOG xây dựng nông thôn mới năm 2016	27/NQ-HĐND, ngày 8/9/2016
8	Sửa đổi Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khuyến khích dòn điền, đổi thửa, xây dựng cảnh đồng mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014-2016	45/2016/NQ-HĐND, ngày 12/8/2016
9	Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020	46/2016/NQ-HĐND, ngày 12/8/2016


TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng ban hành
10	Quy định danh sách hộ trợ xóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2021	07/2017/NQ-HĐND, ngày 13/7/2017
11	Quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	10/2017/NQ-HĐND, ngày 13/7/2017
12	Quy định mức hỗ trợ đầu tư công trình nước sạch tập trung trên địa bàn các xã miền núi và xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc 4 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế tỉnh Bắc Giang	42/2016/NQ-HĐND ngày 12/8/2016
13	Quy định mức kinh phí hỗ trợ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang để thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"	05/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018
14	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ củng cố đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2021	06/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018
<b>III Ủy ban nhân dân tỉnh</b>		
15	Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	07/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017
16	Quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	08/2017/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017
17	Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét công nhận và công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	11/2018/QĐ-UBND, ngày 15/5/2018
18	Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	08/2018/QĐ-UBND ngày 02/5/2018
19	Phê duyệt danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020	385/QĐ-UBND ngày 10/7/2017

TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng ban hành
20	 Sửa đổi diện tích và kích thước Điều 4 của Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương theo Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011	06/2018/QĐ-UBND ngày 05/4/2018
21	Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn và chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình NFRCA xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	369/QĐ-UBND ngày 15/6/2018
22	Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020	835/QĐ-UBND, ngày 6/3/2016
23	Đề án phát triển vùng nuôi thủy sản tập trung đạt tiêu chuẩn VietGap trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020	650/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016
24	Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030	975/QĐ-UBND ngày 29/6/2018


Biểu 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo Số: 101/BC-BCĐ ngày 03/8/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang)



TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 31/12/2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kết quả đến 30/6/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	13,3	13,8	14,0	14,3
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	8,5	8,9	9,3	9,5
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
-	Số xã đạt 19 tiêu chí đã có QĐ công nhận	49	68	72	89
-	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	0	0
-	Số xã đạt 17 tiêu chí	2	1	2	0
-	Số xã đạt 16 tiêu chí	7	9	9	1
-	Số xã đạt 15 tiêu chí	23	20	16	11
-	Số xã đạt 14 tiêu chí	22	15	15	14
-	Số xã đạt 13 tiêu chí	27	19	18	17
-	Số xã đạt 12 tiêu chí	20	23	23	23
-	Số xã đạt 11 tiêu chí	9	8	8	8
-	Số xã đạt 10 tiêu chí	25	17	17	17
-	Số xã đạt 09 tiêu chí	7	4	4	4
-	Số xã đạt 08 tiêu chí	8	9	9	12
-	Số xã đạt 07 tiêu chí	1	8	8	6
-	Số xã đạt 06 tiêu chí	2	2	2	1
-	Số xã đạt 05 tiêu chí	1	0	0	0
-	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0	0	0
-	Số xã đạt 03 tiêu chí	0	0	0	0
-	Số xã đạt 02 tiêu chí	0	0	0	0
-	Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0	0	0
4	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí				
-	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	203	203	203	203
-	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	63	87	90	102
-	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	84	116	119	123
-	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	197	198	198	199
-	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	147	158	159	160

TT		Kết quả đến 31/12/2016	Kết quả đến 31/12/2017	Kết quả đến 30/6/2018	Ước thực hiện đến 31/12/2018
-	Số xã đạt tiêu chí số 0 về cơ sở vật chất văn hóa	50	69	73	90
-	Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại	131	149	151	155
-	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông	201	198	198	198
-	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	172	169	169	169
-	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	162	152	152	152
-	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	137	147	147	147
-	Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm	180	186	186	186
-	Số xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất	171	155	156	156
-	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục	192	192	193	193
-	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	185	188	188	188
-	Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa	138	147	147	147
-	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	49	68	72	89
-	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	158	156	157	159
-	Số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh	201	182	182	183
<b>5</b>	<b>Một số chỉ tiêu cơ bản</b>				
-	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	32	35		37
-	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	11,72	9,53		7,55
-	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	82	92	95,8	97,2
-	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia	92	92,8	93	93,6

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018 VÀ DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2019-2020**



Số: 101/BC-BCĐ ngày 03/8/2018 của Ban Chi đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang

ĐVT: Triệu đồng

STT		Giai đoạn 2016-2018	Năm 2016	Năm 2017	Ước thực hiện năm 2018	Dự kiến giai đoạn 2019-2020
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.974.378</b>	<b>747.537</b>	<b>1.232.484</b>	<b>994.357</b>	<b>2.478.154</b>
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>574.040</b>	<b>178.100</b>	<b>191.740</b>	<b>204.200</b>	<b>812.370</b>
1	Trái phiếu Chính phủ	127.000	114.000	13.000		
2	Đầu tư phát triển	302.340	26.600	130.340	145.400	618.270
3	Sự nghiệp	144.700	37.500	48.400	58.800	194.100
<b>II</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>930.534</b>	<b>167.468</b>	<b>401.374</b>	<b>361.692</b>	<b>586.526</b>
1	Tỉnh (bao gồm cả cơ chế xi măng)	469.738	60.000	139.738	270.000	295.000
2	Huyện	144.770	29.092	67.208	48.470	93.661
3	Xã	316.026	78.376	194.428	43.222	197.866
<b>III</b>	<b>VỐN LÒNG GHEP</b>	<b>653.096</b>	<b>193.700</b>	<b>231.695</b>	<b>227.701</b>	<b>440.000</b>
<b>IV</b>	<b>VỐN TÍN DỤNG (*)</b>					
<b>V</b>	<b>VỐN DOANH NGHIỆP</b>	<b>447.500</b>	<b>105.500</b>	<b>227.000</b>	<b>115.000</b>	<b>250.000</b>
<b>VI</b>	<b>CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ</b>	<b>369.208</b>	<b>102.769</b>	<b>180.675</b>	<b>85.764</b>	<b>389.258</b>

(\*): *Vốn tín dụng*: do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

## KẾT QUẢ HIỆP ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2018

Số: 101/BC-BCĐ ngày 03/8/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Đơn vị	Số lượng	Tổng số	Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2016-2018										
					Số lượng	Tổng số	Vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	
							Tổng số	Ngân sách Trung ương							NSDP
								TPCP	ĐIPT	SN					
	<b>Tổng</b>			<b>1.873.782</b>	<b>574.040</b>	<b>127.000</b>	<b>302.340</b>	<b>144.700</b>	<b>930.534</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>369.208</b>		
1	Nâng cao năng lực xây dựng NTM	Người	2.840	2.550	2.550			2.550							
2	Truyền thông về xây dựng NTM			2.755	2.755			2.755							
3	Giám sát, đánh giá			4.245	4.245			4.245							
4	Quy hoạch xây dựng NTM			1.900	1.900			1.900							
5	Phát triển hạ tầng-kinh tế xã hội			1.684.526	401.640	127.000	274.640		918.534				364.352		
-	Giao thông	Km	1.599	721.822	177.709	68.605	109.104		435.025				109.089		
-	Thủy lợi	Km	62	56.588	17.084	4.419	12.665		24.306				15.198		
-	Trường học	Phòng	256	83.193	15.363	3.869	11.494		67.830						
-	Công trình văn hóa	CT	461	267.552	81.851	21.895	59.957		109.119				76.583		
-	Công trình thể thao	CT	125	69.744	6.079	1.209	4.870		56.785				6.880		
-	Trạm y tế xã	Trạm	15	10.191	1.010	676	334		8.710				471		
-	Công trình nước sạch	CT	6	30.500	30.500		30.500								
-	Điểm thu gom rác thải	Điểm	155	39.779	4.596		4.596		29.091				6.093		
-	Nghĩa trang nhân dân	NT	132	26.789	3.721		3.721		17.676				5.392		
-	Lò đốt rác	Lò	8	12.625	0				12.625						
-	Khen thưởng			32.200	19.000	13.000	6.000		13.200						
-	Công trình khác			333.542	44.727	13.328	31.399		144.169				144.646		
6	Thông tin và truyền thông cơ sở	Đài	24	6.500	6.500		3.500	3.000							
7	Phát triển SX theo chuỗi liên kết	Dự án	231	36.950	36.950			36.950							
8	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	Người	536	700	700			700							
9	Hỗ trợ phát triển HTX	HTX	23	17.056	12.200		12.200						4.856		
10	Phát triển ngành nghề nông thôn			0	0										
11	Đào tạo nghề lao động nông thôn	Người	8.879	23.550	23.550			23.550							
-	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	Người	6.339	10.279	10.279			10.279							
-	Đào tạo nghề nông nghiệp	Người	2.540	2.979	2.979			2.979							
13	Phát triển giáo dục ở nông thôn			24.000	24.000			24.000							
14	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn			3.270	3.270			3.270							

TT	Nội dung đầu tư	Khối lượng thực hiện	Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2016-2018										
			Số lượng	Tổng số	Vốn hỗ trợ đầu tư trực tiếp				Lồng ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	
					Tổng số	Ngân sách Trung ương							NSDP
						TPCP	DYPT	SN					
15	Vệ sinh môi trường nông thôn		500	500			500						
16	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề		24.000	12.000		12.000		12.000					
17	Đào tạo cho công chức xã		250	250			250						
18	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		0	0			0						
19	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã		3.000	3.000			3.000						
20	Bảo vệ môi trường nông thôn		38.030	38.030			38.030						

**Ghi chú:**

- Tổng hợp đường giao thông nông thôn bao gồm cả cơ chế hỗ trợ xi măng dự kiến thực hiện hết năm 2018
- Tổng hợp nguồn kinh phí đối ứng trực tiếp để thực hiện nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (do vậy không tổng hợp nguồn vốn tín dụng, lồng ghép, doanh nghiệp)



**RÀNG CHỈ MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kính gửi: Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Giang) / BC-BCD ngày 03 / 8/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bắc Giang)



TT		Đơn vị tính	Mục tiêu phân đầu đến 2020 (theo QĐ số 1865)	Kết quả đạt được đến 30/6/2018	Đề xuất điều chỉnh mục tiêu phân đầu đến 2020 (Nếu có)	Lý do, căn cứ đề xuất
1	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	số huyện	1	0		
2	Xã đạt chuẩn nông thôn mới					
2.1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	số xã	80	72		
2.2	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	39,4	35,5		
3	Bình quân tiêu chí/xã	tiêu chí/xã	16,2	14		